

CÁC MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG GIỮA CTĐT CŨ VÀ MỚI

KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY - PHẦN KHOA TIẾNG ĐỨC
NGÀNH: NGÔN NGỮ ĐỨC

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI				CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CŨ		
STT	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC
I		Khởi kiến thức chung	27			
II		Khởi kiến thức chung theo lĩnh vực	6			
	GER1001	Địa lý đại cương	3	WES1001	Địa lý đại cương	2
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	EVS1001	Môi trường và phát triển	2
III		Khởi kiến thức chung của khối ngành	8			
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	MNS1051	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
IV		Khởi kiến thức chung của nhóm ngành	54			
IV.1		Khởi kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa	18			
IV.1.1		Bắt buộc	12			
	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	WES2001	Ngữ âm - Hình thái học	3
	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	WES2002	Cú pháp học	3
	GER2039	Đất nước học Đức	3	WES2006	Đất nước học Đức	2
	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	WES2016	Giao thoa văn hóa	2
IV.1.2		Tự chọn	6			
	GER2054	Từ vựng học tiếng Đức	3	WES2003	Từ vựng học	3
	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3	WES2008	Ngữ nghĩa học	2
	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3	WES2010	Ngữ dụng học	2
	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	LIN1012	Ngôn ngữ học đối chiếu	2
	GER2055	Văn học Đức 1	3	WES2004	Lịch sử văn học Đức	2
	GER2015	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	3	WES2007	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	2
	GER2056	Văn học Đức 2	3	WES2005	Văn học Đức TK XVII/Văn học Đức TK XVIII - XX	2/3
IV.2		Khởi kiến thức tiếng	36			
	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	WES2018	Tiếng Đức cơ bản 1.A	5
	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	WES2019	Tiếng Đức cơ bản 1.B	4
	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	WES2020	Tiếng Đức cơ bản 2.A	5
	GER4024	Tiếng Đức 2B	4	WES2021	Tiếng Đức cơ bản 2.B	4
	GER4025	Tiếng Đức 3A	4			
	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	WES2022/20	Nghe hiểu 1/Đọc hiểu 1/Nói 1/Viết 1	2/2/2/2
	GER4027	Tiếng Đức 3C	2			
	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	WES2023/20	Nghe hiểu 2/Đọc hiểu 2/Nói 2/Viết 2	2/2/2/2
	GER4029	Tiếng Đức 4B	4	WES2030/20	Nghe-Nói nâng cao 1/Đọc-Viết nâng cao 1	2/2
	GER4030	Tiếng Đức 4C	2	WES2031/20	Nghe-Nói nâng cao 2/Đọc-Viết nâng cao 2	2/2
V		Khởi kiến thức ngành và bổ trợ	27			
V.1		Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức Phiên dịch				
V.1.1		Bắt buộc	18			
	GER3027	Lý thuyết dịch	3	WES3001/9	Lý thuyết dịch 1/Lý thuyết dịch 2	2/2
	GER3029	Phiên dịch	3	WES3005/6	Phiên dịch 1/Phiên dịch 2	2/2
	GER3016	Biên dịch	3	WES3002/3	Biên dịch 1/Biên dịch 2	2/3
	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	WES3007	Phiên dịch 3	2
	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	WES3004	Biên dịch 3	3
	GER3036	Kỹ năng nghiệp vụ biên-phiên dịch	3			
V.1.2		Tự chọn	9			
V.1.2.1		Các môn học chuyên sâu				
	GER3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	WES3008	Phiên dịch 4	3
	GER3017	Biên dịch chuyên ngành	3	WES3010	Dịch chuyên đề	2
	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	WES2037	Tiếng Đức kinh tế - thương mại	3
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	WES2035	Tiếng Đức du lịch - khách sạn	2
V.2		Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức-Kinh tế	27			
V.2.1		Bắt buộc	18			
	GER3029	Phiên dịch	3	WES3005/30	Phiên dịch 1/Phiên dịch 2	2/2
	GER3016	Biên dịch	3	WES3002/30	Biên dịch 1/Biên dịch 2	2/3
	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	WES2037	Tiếng Đức kinh tế - thương mại	3
V.2.2.2		Các môn học bổ trợ				
	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	WES3007	Phiên dịch 3	2
	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	WES3004	Biên dịch 3	3
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	WES2035	Tiếng Đức du lịch - khách sạn	2
V.3		Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức-Du lịch	27			
V.3.1		Bắt buộc	18			
V.3.2.2		Các môn học bổ trợ	3			
	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	WES3007	Phiên dịch 3	2
	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	WES3004	Biên dịch 3	3
	GER2015	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	3	WES2007	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	2
VI		Khởi kiến thức thực tập và tốt nghiệp	9			

Hà Nội, ngày 9 tháng 10 năm 2013
TRƯỞNG KHOA NN&VH PHƯƠNG TÂY



TS. Lê Hoài Ân